



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF  
THE GLOBAL ADVISORY  
AND ACCOUNTING NETWORK

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-45
Bảng cân đối kế toán riêng	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	12-45

## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/02/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Vĩnh Huy	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 21/03/2022
Ông Phương Thừa Vũ	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 21/03/2022
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Ủy viên	
Bà Vũ Thị Phương	Ủy viên	
Ông Lê Tuấn Điệp	Ủy viên	

Bà Nguyễn Thị Thu Hoài - Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập Báo cáo này.

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Chiến	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Thảo	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

**Cam kết khác**

Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Tổng Giám đốc



CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU  
TỔNG HỢP  
VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thu Hoài  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam được lập ngày 30 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Trong năm 2022, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty âm 105,06 tỷ đồng và khoản lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2022 là 235,84 tỷ đồng. Vấn đề này cùng với các vấn đề được nêu tại Thuyết minh số 1 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định về hoạt động liên tục.

2. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục theo quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam nhưng chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng cần thiết để đánh giá tính phù hợp của giao dịch liên quan đến khoản hợp tác đầu tư giữa Công ty và ông Trần Minh Hiếu với số tiền 64 tỷ đồng đang được trình bày tại Thuyết minh số 8 - Phải thu khác. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá hết ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đến các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

3. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 - Phải trả khác, Công ty đang ghi nhận khoản công nợ phải trả đối với bà Vũ Thị Ngọc với số tiền là 34,7 tỷ đồng để thực hiện các thỏa thuận hợp tác đầu tư. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục theo quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, tuy nhiên chúng tôi không thể xác định được phạm vi, nội dung cũng như tiến độ thực hiện của các khoản hợp tác đầu tư này. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá hết ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đến các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

#### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

#### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên ✓

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5305-2020-002-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>196.865.124.331</b>	<b>495.533.368.708</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	5.206.722.519	2.951.567.830
111	1. Tiền		5.206.722.519	2.951.567.830
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	36.948.389.000	87.692.974.795
121	1. Chứng khoán kinh doanh		14.948.389.000	65.961.066.939
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(4.144)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		22.000.000.000	21.731.912.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>96.896.370.192</b>	<b>365.860.401.306</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	114.665.687.160	152.885.447.984
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	238.063.576.397	239.043.140.459
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	450.000.000	450.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	226.142.120.952	304.866.639.436
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(482.425.014.317)	(331.384.826.573)
140	IV. Hàng tồn kho	10	50.140.813.785	32.611.641.778
141	1. Hàng tồn kho		50.140.813.785	32.611.641.778
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.672.828.835	6.416.782.999
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	248.316.394	258.950.836
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.284.382.441	6.017.702.163
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	140.130.000	140.130.000
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>256.981.747.754</b>	<b>235.517.195.621</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		19.834.299.996	9.716.799.996
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	19.734.299.996	9.616.799.996
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	100.000.000	100.000.000
220	II. Tài sản cố định		5.487.284.871	5.932.568.354
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	2.335.484.871	2.780.768.354
222	- Nguyên giá		10.084.109.901	13.130.913.509
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.748.625.030)	(10.350.145.155)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	3.151.800.000	3.151.800.000
228	- Nguyên giá		3.151.800.000	3.151.800.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
230	III. Bất động sản đầu tư	13	112.592.998.073	115.612.141.206
231	- Nguyên giá		145.869.058.887	154.868.938.887
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(33.276.060.814)	(39.256.797.681)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	113.152.413.752	99.952.667.942
251	1. Đầu tư vào công ty con		49.960.000.000	34.752.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		70.663.895.429	70.663.895.429
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.200.000.000	1.200.000.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(8.671.481.677)	(6.663.227.487)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.914.751.062	4.303.018.123
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	5.914.751.062	4.303.018.123
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>453.846.872.085</b>	<b>731.050.564.329</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>505.947.702.179</b>	<b>677.932.313.371</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>305.566.783.288</b>	<b>647.549.729.951</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	21.952.309.312	69.089.864.924
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	166.905.203	319.434.122
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	249.368.758	176.183.510
314	4. Phải trả người lao động		2.649.871.981	3.239.874.911
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	19	237.603.200.256	177.575.999.613
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	42.601.171.050	396.804.416.143
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		343.956.728	343.956.728
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>200.380.918.891</b>	<b>30.382.583.420</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	18	9.080.437.800	9.333.481.572
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	10.808.067.059	10.937.301.848
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	180.492.414.032	10.111.800.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>(52.100.830.094)</b>	<b>53.118.250.958</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>(52.100.830.094)</b>	<b>53.118.250.958</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		135.392.670.000	135.392.670.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		135.392.670.000	135.392.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.147.588.054	17.147.588.054
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.262.420.104	7.262.420.104
415	4. Cổ phiếu quỹ		(981.900)	(981.900)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		23.940.421.305	23.940.421.305
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(235.842.947.657)	(130.623.866.605)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(130.776.889.047)	(382.964.770.380)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(105.066.058.610)	252.340.903.775
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>453.846.872.085</b>	<b>731.050.564.329</b>

Nguyễn Thanh Thúy  
Người lập

Mai Thu Hà  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hoài  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	250.739.821.195	208.482.598.122
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		250.739.821.195	208.482.598.122
11	4. Giá vốn hàng bán	24	225.615.591.537	188.231.556.121
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		25.124.229.658	20.251.042.001
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	90.525.259.942	68.199.809.938
22	7. Chi phí tài chính	26	57.881.879.709	(184.776.039.436)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		6.215.412.590	(186.229.054.755)
25	8. Chi phí bán hàng	27	15.142.531.319	11.678.966.043
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	162.470.226.662	8.334.045.570
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(119.845.148.090)	253.213.879.762
31	11. Thu nhập khác	29	15.288.151.008	762.720.739
32	12. Chi phí khác	30	509.061.528	1.635.696.726
40	13. Lợi nhuận khác		14.779.089.480	(872.975.987)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(105.066.058.610)	252.340.903.775
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(105.066.058.610)	252.340.903.775

*Nguyễn Thanh Thúy*

*Mai Thu Hà*



Nguyễn Thanh Thúy  
Người lập

Mai Thu Hà  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hoài  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(105.066.058.610)	252.340.903.775
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.464.426.615	3.807.011.634
03	- Các khoản dự phòng		153.048.437.790	(3.392.132.659)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.149.200.512	109.862.121
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(34.360.829.168)	(25.885.254.527)
06	- Chi phí lãi vay		6.215.412.590	(186.229.054.755)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		26.450.589.729	40.751.335.589
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		118.844.027.293	33.892.807.934
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(17.529.172.007)	(31.633.909.824)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		9.918.093.477	100.719.366.019
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.601.098.497)	(38.404.595)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		51.012.677.939	97.020.130.802
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.448.508.640)	(14.680.591.164)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		182.646.609.294	226.030.734.761
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(1.290.860.637)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	120.181.818
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(91.108.692.165)	(57.696.521.023)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		80.723.104.165	36.564.539.753
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(64.047.000.000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		16.900.430.896	25.658.844.655
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		6.514.842.896	(60.690.815.434)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		298.269.132.696	207.388.445.214
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(485.167.418.039)	(370.472.165.411)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(186.898.285.343)	(163.083.720.197)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		2.263.166.847	2.256.199.130
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		2.951.567.830	723.838.798
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(8.012.158)	(28.470.098)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>5.206.722.519</u>	<u>2.951.567.830</u>

Nguyễn Thanh Thúy  
Người lập

Mai Thu Hà  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hoài  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Năm 2022*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/02/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 135.392.670.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 135.392.670.000 đồng; tương đương 13.539.267 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 172 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 150 người).

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh Xuất nhập khẩu.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn thực phẩm: Kinh doanh tạp phẩm, thủy hải sản, rượu bia, nước giải khát, kinh doanh bánh kẹo, các mặt hàng đường, sữa, sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê...;
- Kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản;
- Kinh doanh các sản phẩm dệt may;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh Nhà ở và văn phòng, cho thuê văn phòng, căn hộ, kho, bãi, nhà xưởng.

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng**

So với năm trước, Công ty đã mở rộng hoạt động sản xuất tiêu thành phẩm và đẩy mạnh hoạt động bán hàng hóa dẫn đến doanh thu trong kỳ có sự tăng trưởng mạnh.

Trong năm 2022, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty âm 105,06 tỷ đồng và khoản lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2022 là 235,84 tỷ đồng. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xây dựng phương hướng hoạt động: tập trung các hoạt động sản xuất kinh doanh truyền thống và kinh doanh thương mại các mặt hàng nông sản là thế mạnh; mở rộng quy mô thị trường, khách hàng và một số ngành hàng mới; chú trọng vào công tác thu hồi công nợ để chủ động nguồn vốn kinh doanh; và kiện toàn bộ sung nhân sự để nâng cao năng suất lao động. Đồng thời, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đã xây dựng kế hoạch tài chính để có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do vậy, Báo cáo tài chính riêng năm 2022 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

<b>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Hải Phòng	Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Dịch vụ xuất nhập khẩu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam - Xí nghiệp May xuất khẩu Hải Phòng	Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Gia công hàng may mặc

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các đơn vị thành viên và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

## 2.4 . Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

## 2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## 2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## 2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: Căn cứ vào Báo cáo tài chính cuối năm trước của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



**2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao

**2.11 . Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	45 năm
--------------------------	--------

**2.12 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.13 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Công ty thực hiện kế toán cho BCC và có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC. Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC hoặc thông báo từ BCC.

Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/07/2017 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (gọi tắt là TH1) và Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa), cung cấp dịch vụ gia công quần áo và các sản phẩm may mặc khác dành riêng cho Kowa. Hai bên hợp tác điều hành hoạt động của Nhà máy trong việc cung cấp dịch vụ gia công may mặc để đạt được hiệu quả vận hành tối đa của máy móc và nhân lực Nhà máy, đáp ứng các mục tiêu sản xuất. TH1 được hưởng mức phí quản lý là 1% trên tổng doanh thu dịch vụ hàng tháng và được chi trả vào ngày 15 của tháng kế tiếp. TH1 là bên thực hiện kế toán. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên được chi trả toàn bộ cho Kowa.

**2.14 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí sửa chữa được ghi nhận chi phí thực tế phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

**2.15 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.16 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.17 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.18 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

**2.19 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 36 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019, trừ các trường hợp được pháp luật cho phép bán ra ngay sau khi mua lại hoặc xử lý số dư cổ phiếu quỹ đã mua trước ngày 01/01/2021.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

**2.20 . Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.21 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

### 2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

#### b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

### 2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.25 . Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

## 3 . TIỀN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	120.996.658	507.729.119
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.085.725.861	2.443.838.711
	<u><u>5.206.722.519</u></u>	<u><u>2.951.567.830</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn	22.000.000.000	-	21.731.912.000	-
	<b>22.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>21.731.912.000</b>	<b>-</b>

Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 7% đến 11,25%/năm.

**b) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
- Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	-	-	-	1.041.070.428
- Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	-	-	31.903.449.579
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	-	-	33.015.519.120
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	14.948.389.000	15.470.000.000	-	-
- Các cổ phiếu khác	-	-	-	1.027.812
	<b>14.948.389.000</b>	<b>15.470.000.000</b>	<b>-</b>	<b>65.961.066.939</b>
				<b>73.774.547.500</b>
				<b>(4.144)</b>

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn HNX, HOSE và UPCOM tại ngày 31/12/2021 và 30/12/2022.

Các cổ phiếu Công ty mới đầu tư thêm trong kỳ như sau:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà
- + Vè số lượng: 340.000 cổ phiếu
- + Vè giá gốc: 14.948.389.000 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	49.960.000.000	-	34.752.000.000	(52.452)
- Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh dịch vụ Rainbow (*)	49.960.000.000	-	34.752.000.000	(52.452)
Đầu tư vào Công ty liên kết	70.663.895.429	(7.471.481.677)	70.663.895.429	(5.463.175.035)
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	20.968.895.429	-	20.968.895.429	-
- Công ty CP Bất động sản Tổng hợp 1	20.400.000.000	(5.051.335.446)	20.400.000.000	(5.048.586.559)
- Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	29.295.000.000	(2.420.146.231)	29.295.000.000	(414.588.476)
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>(1.200.000.000)</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>(1.200.000.000)</b>
- Công ty CP Khoáng sản Mai Linh - Quảng Ngãi	1.200.000.000	(1.200.000.000)	1.200.000.000	(1.200.000.000)
	<b>121.823.895.429</b>	<b>(8.671.481.677)</b>	<b>106.615.895.429</b>	<b>(6.663.227.487)</b>

(\*) Tại Nghị Quyết số 16/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021, Hội đồng quản trị của Công ty đã thông qua việc góp vốn bổ sung vào Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh dịch vụ Rainbow với tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tại ngày 31/12/2021 là 99,89%. Trong kỳ, Công ty đã góp vốn thêm 15.208.000.000 đồng bằng bất động sản đầu tư tại số 7 phố Triệu Việt Vương, phường Bưởi Thị Xuân (nay là phường Nguyễn Du), quận Hai Bà Trưng, Hà Nội và tổng số vốn góp của các chủ sở hữu vào công ty con tại ngày 31/12/2022 là 50.000.000.000 đồng. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tại ngày 31/12/2022 là 99,92% (Chi tiết tại thuyết minh số 13).

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>		
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh dịch vụ Rainbow	Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>		
Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Hà Nội	Cho thuê văn phòng
Công ty CP Bất động sản Tổng hợp 1	Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	Đắk Nông	Trồng cây hồ tiêu
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>		
Công ty CP Khoáng sản Mai Linh - Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Kinh doanh, khai thác khoáng sản

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>43.200.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	43.200.000	-	-	-
<b>Bên khác</b>	<b>114.622.487.160</b>	<b>(93.933.935.658)</b>	<b>152.885.447.984</b>	<b>(93.933.935.658)</b>
- Công ty CP Kim loại Việt Nam	23.932.288.353	(23.932.288.353)	23.932.288.353	(23.932.288.353)
- Công ty CP Thép Việt Thanh	8.158.626.921	(8.158.626.921)	8.158.626.921	(8.158.626.921)
- Công ty CP Dầu khí và Khoáng sản VITECH	8.275.780.880	(8.275.780.880)	8.275.780.880	(8.275.780.880)
- Công ty CP thực phẩm C.M.T	35.949.721.230	(35.949.721.230)	35.949.721.230	(35.949.721.230)
- Công ty CP Tập đoàn Công nghệ T - Tech Việt Nam	-	-	52.606.831.200	-
- Ogaretco Foodstuff LLC	3.939.273.000	-	-	-
- Công ty TNHH Kowa	3.357.976.541	-	4.768.203.421	-
- Công ty TNHH MTV Dây và Cáp điện ELMACO	3.456.333.468	(3.456.333.468)	3.456.333.468	(3.456.333.468)
- Phải thu khách hàng khác	27.552.486.767	(14.161.184.806)	15.737.662.511	(14.161.184.806)
	<b>114.665.687.160</b>	<b>(93.933.935.658)</b>	<b>152.885.447.984</b>	<b>(93.933.935.658)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>2.451.584.452</b>	-	<b>2.461.161.352</b>	-
- Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	1.951.584.452	-	1.961.161.352	-
- Công ty CP Bất động sản	500.000.000	-	500.000.000	-
Tổng hợp 1				
<b>Bên khác</b>	<b>235.611.991.945</b>	<b>(229.500.308.505)</b>	<b>236.581.979.107</b>	<b>(228.813.630.193)</b>
- Công ty CP Khoáng sản Mai Linh	6.010.353.102	(6.010.353.102)	6.010.353.102	(6.010.353.102)
- Công ty TNHH Thanh Phát	29.787.510.769	(29.787.510.769)	29.787.510.769	(29.787.510.769)
- Công ty TNHH Thanh Phát HQ	81.832.187.384	(81.832.187.384)	81.832.187.384	(81.832.187.384)
- Công ty TNHH Minh Lâm	4.359.664.601	(4.359.664.601)	4.359.664.601	(4.359.664.601)
- DN tư nhân Trung Thành	48.379.179.373	(48.379.179.373)	48.379.179.373	(48.379.179.373)
- DN tư nhân Phát Đạt	5.238.146.104	(5.238.146.104)	5.238.146.104	(5.238.146.104)
- Công ty TNHH XNK Phước Tiếng	35.635.700.361	(35.635.700.361)	35.635.700.361	(35.635.700.361)
- Trả trước cho người bán khác	24.369.250.251	(18.257.566.811)	25.339.237.413	(17.570.888.499)
	<b>238.063.576.397</b>	<b>(229.500.308.505)</b>	<b>239.043.140.459</b>	<b>(228.813.630.193)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>						
- Công ty TNHH MTV Nam Nung	450.000.000	(450.000.000)	-	-	450.000.000	(450.000.000)
	<b>450.000.000</b>	<b>(450.000.000)</b>			<b>450.000.000</b>	<b>(450.000.000)</b>
<b>b) Dài hạn</b>						
<b>Bên liên quan</b>						
- Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao (1)	9.616.799.996	-	10.117.500.000	-	19.734.299.996	-
	<b>9.616.799.996</b>	<b>-</b>	<b>10.117.500.000</b>	<b>-</b>	<b>19.734.299.996</b>	<b>-</b>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(1) Hợp đồng tín dụng số 02/2021/TH1-SAG/HĐVV ngày 13/10/2021 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Chăm sóc phát triển dự án nông nghiệp tại Đắk Nông;
- + Thời hạn của hợp đồng: 24 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 11%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 19.734.299.996 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**  
Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**8 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) <i>Chi tiết theo nội dung</i>				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay <sup>(1)</sup>	226.142.120.952	(158.540.770.154)	304.866.639.436	(8.187.260.722)
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	153.982.135.759	(151.623.509.432)	151.729.737.486	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	16.721.360	-	19.628.741	-
- Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	2.827.755	-	3.335.097	-
- Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	2.045.170	-	2.377.960	-
- Tạm ứng	737.355.418	-	737.355.418	-
- Ký cược, ký quỹ	32.000.000	-	78.727.600	-
- Phải thu hợp tác Công ty TNHH Quang Trung	1.548.661.868	(1.548.661.868)	1.548.661.868	(1.548.661.868)
- Phải thu hợp tác Khai thác Khoáng sản Nghệ An phòng 1	2.846.000.000	(2.846.000.000)	2.846.000.000	(2.846.000.000)
- Phải thu hợp tác Ông Nguyễn Xuân Nam	1.680.000.000	(1.680.000.000)	2.950.000.000	(2.950.000.000)
- Cổ phiếu (EIB) được phong tỏa	-	-	143.778.121.306	-
- Phải thu hợp tác Ông Trần Minh Hiếu <sup>(2)</sup>	64.000.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	1.294.373.622	(842.598.854)	1.172.693.960	(842.598.854)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**  
Số 46 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>8 . PHẢI THU KHÁC</b>				
a) Ngắn hạn				
a.2) <i>Chi tiết theo đối tượng</i>				
<i>Bên liên quan</i>				
- Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	1.847.804.409	-	106.228.054	-
	1.847.804.409	-	106.228.054	-
<i>Bên khác</i>				
- Công ty CP Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam <sup>(1)</sup>	224.294.316.543	(158.540.770.154)	304.760.411.382	(8.187.260.722)
- Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	151.623.509.432	(151.623.509.432)	151.623.509.432	-
	510.821.918	-	-	-
- Công ty TNHH Quang Trung	1.548.661.868	(1.548.661.868)	1.548.661.868	(1.548.661.868)
- Công ty Khai thác Khoáng sản Nghệ An	2.846.000.000	(2.846.000.000)	2.846.000.000	(2.846.000.000)
- Ông Nguyễn Xuân Nam	1.680.000.000	(1.680.000.000)	2.950.000.000	(2.950.000.000)
- Cổ phiếu (EIB) được phong tỏa	-	-	143.778.121.306	-
- Ông Trần Minh Hiếu <sup>(2)</sup>	64.000.000.000	-	-	-
- Công ty CP Hóa chất công nghiệp và vật tư tổng hợp	842.598.854	(842.598.854)	842.598.854	(842.598.854)
- Phải thu các bên khác	1.242.724.471	-	1.171.519.922	-
	<b>226.142.120.952</b>	<b>(158.540.770.154)</b>	<b>304.866.639.436</b>	<b>(8.187.260.722)</b>

**8 . PHẢI THU KHÁC**

**b) Dài hạn**

**b.1) Chi tiết theo nội dung**

- Phải thu khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
	100.000.000	-	100.000.000	-
	<u>100.000.000</u>	<u>-</u>	<u>100.000.000</u>	<u>-</u>
	100.000.000	-	100.000.000	-
	<u>100.000.000</u>	<u>-</u>	<u>100.000.000</u>	<u>-</u>

**b.2) Chi tiết theo đối tượng**

**Bên khác**

- Bà Phạm Thị Thuý

(1) Khoản phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay trong đó bao gồm khoản lãi phải thu của hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam số tiền 151.623.509.432 đồng. Trong năm 2021, Công ty đã thu hồi toàn bộ phần vốn góp theo hợp đồng hợp tác đầu tư này bằng tiền gửi ngân hàng. Trong năm 2022, Công ty đã trích lập dự phòng 100% đối với khoản phải thu lãi đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam số tiền 151.623.509.432 do không có khả năng thu hồi.

(2) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 05/2022/HĐĐT ngày 18/05/2022 giữa ông Trần Minh Hiếu và Công ty để thực hiện việc mua chứng khoán, giấy tờ có giá trên cơ sở quy định của pháp luật. Theo điều khoản, hợp đồng có hiệu lực trong vòng 02 năm kể từ thời điểm ký, kết quả đầu tư được phân chia theo nguyên tắc Công ty hưởng 80% và ông Trần Minh Hiếu hưởng 20%. Hợp đồng không quy định về tài sản đảm bảo đối với các bên tham gia.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**9 . NỢ XẤU**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Thép Việt Thanh	8.158.626.921	-	8.158.626.921	-
- Doanh nghiệp tư nhân Trung Thành	48.379.179.373	-	48.379.179.373	-
- Công ty CP Kim loại Việt Nam	23.932.288.353	-	23.932.288.353	-
- Công ty TNHH Thanh Phát	29.787.510.769	-	29.787.510.769	-
- Công ty CP Thực phẩm CMT	35.949.721.230	-	35.949.721.230	-
- Công ty CP Dầu khí và Khoáng sản VITECH	8.275.780.880	-	8.275.780.880	-
- Công ty TNHH Thanh Phát HQ	81.832.187.384	-	81.832.187.384	-
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Phước Tiếng	35.635.700.361	-	35.635.700.361	-
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam	151.623.509.432	-	-	-
- Các khoản khác	58.850.509.614	-	60.127.509.615	693.678.313
	<b>482.425.014.317</b>	<b>-</b>	<b>332.078.504.886</b>	<b>693.678.313</b>

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	45.591.919.899	-	20.476.622.522	-
Công cụ, dụng cụ	7.247.527	-	28.007.046	-
Thành phẩm	3.375.376.359	-	2.485.481.116	-
Hàng hoá	1.166.270.000	-	9.621.531.094	-
	<b>50.140.813.785</b>	<b>-</b>	<b>32.611.641.778</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**  
Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá									
Số dư đầu kỳ	5.112.821.251	5.861.617.562	1.941.106.092	215.368.604	13.130.913.509				
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.046.803.608)	-	-	(3.046.803.608)				
Số dư cuối kỳ	<b>5.112.821.251</b>	<b>2.814.813.954</b>	<b>1.941.106.092</b>	<b>215.368.604</b>	<b>10.084.109.901</b>				
Giá trị hao mòn lũy kế									
Số dư đầu kỳ	4.998.512.447	4.615.981.648	520.282.456	215.368.604	10.350.145.155				
- Khấu hao trong kỳ	20.267.983	170.765.716	254.249.784	-	445.283.483				
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.046.803.608)	-	-	(3.046.803.608)				
Số dư cuối kỳ	<b>5.018.780.430</b>	<b>1.739.943.756</b>	<b>774.532.240</b>	<b>215.368.604</b>	<b>7.748.625.030</b>				
Giá trị còn lại	114.308.804	1.245.635.914	1.420.823.636	-	2.780.768.354				
Tại ngày đầu kỳ	94.040.821	1.074.870.198	1.166.573.852	-	2.335.484.871				
Tại ngày cuối kỳ									
Trong đó:									

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 94.040.821 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.561.215.297 đồng.

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại 26B Lê Quốc Hưng, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 3.151.800.000 đồng.

**13 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư của Công ty là nhà cửa, vật kiến trúc tại Hà Nội, Hải Phòng được sử dụng để cho thuê có tổng nguyên giá là 145.869.058.887 đồng; giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2022 là 33.276.060.814 đồng, khấu hao trong kỳ là 3.019.143.132 đồng. Giá trị còn lại cuối kỳ của bất động sản đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 112.592.998.073 đồng. Nguyên giá bất động sản đầu tư hết khấu hao, còn sử dụng là 10.007.617.497 đồng. Doanh thu từ bất động sản đầu tư trong kỳ là 11.162.666.549 đồng.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2022. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tại Nghị Quyết số 16/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021, Hội đồng quản trị của Công ty đã thông qua việc góp vốn bổ sung vào Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh dịch vụ Rainbow bằng bất động sản đầu tư tại số 7 phố Triệu Việt Vương, phường Bưởi Thị Xuân (nay là phường Nguyễn Du), quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Nguyên giá và khấu hao lũy kế trên bất động sản đầu tư giám lần lượt là 8.999.880.000 đồng và 8.999.879.999 đồng (Chi tiết tại thuyết minh số 4).

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	17.946.438	69.410.972
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	230.369.956	189.539.864
	<b>248.316.394</b>	<b>258.950.836</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Tiền thuê đất trả tiền một lần (*)	3.650.249.664	3.802.343.400
Chi phí sửa chữa	1.788.086.671	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.011.358	33.038.664
Chi phí trả trước dài hạn khác	473.403.369	467.636.059
	<b>5.914.751.062</b>	<b>4.303.018.123</b>

(\*) Tiền thuê đất trả trước một lần có thời hạn 32 năm tại Ấp Tân Mỹ, xã Xuân Bảo, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai với diện tích 9.060 m2 được Nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất và không thu tiền sử dụng đất.

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>Bên khác</b>				
- Ông Trần Văn Hải	15.936.741.144	15.936.741.144	15.936.741.144	15.936.741.144
- Công ty cổ phần PACIFIC PARTNERS	-	-	52.551.831.200	52.551.831.200
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Hải Hà	3.297.872.000	3.297.872.000	-	-
- Phải trả nhà cung cấp khác	2.717.696.168	2.717.696.168	601.292.580	601.292.580
	<b>21.952.309.312</b>	<b>21.952.309.312</b>	<b>69.089.864.924</b>	<b>69.089.864.924</b>

**16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Bên khác</b>		
- Công Ty TNHH Một Thành Viên Phùng Hoan Gia Lai	163.800.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Giám sát Xây dựng Đức Quang	-	209.623.932
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	3.105.203	109.810.190
	<b>166.905.203</b>	<b>319.434.122</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**  
Số 46 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		158.941.104		2.881.818.664		2.793.550.359		-		247.209.409	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		17.242.406		451.108.081		466.191.138		-		2.159.349	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	140.130.000		-		2.307.195.034		2.307.195.034		140.130.000		-	
Các loại thuế khác	-		-		9.000.000		9.000.000		-		-	
	<b>140.130.000</b>		<b>176.183.510</b>		<b>5.649.121.779</b>		<b>5.575.936.531</b>		<b>140.130.000</b>		<b>249.368.758</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước tiền cho thuê văn phòng	9.080.437.800	9.333.481.572
	<b>9.080.437.800</b>	<b>9.333.481.572</b>

**19 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	823.762.489	887.066.912
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	39.255.000	267.378.311
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.581.850.355	1.581.850.355
- Phải trả lãi vay <sup>(1)</sup>	96.759.032.239	94.992.128.289
- Bà Vũ Thị Ngọc <sup>(2)</sup>	34.700.000.000	34.700.000.000
- Khoản đặt cọc của Công ty CP Chế biến XNK Thủy sản Anh Minh <sup>(3)</sup>	10.000.000.000	35.700.000.000
- Khoản đặt cọc của Công ty CP Bảo hiểm Hùng Vương <sup>(4)</sup>	64.000.000.000	-
- Khoản đặt cọc của Công ty CP Thương mại AMP <sup>(5)</sup>	20.000.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.699.300.173	9.447.575.746
	<b>237.603.200.256</b>	<b>177.575.999.613</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	808.067.059	937.301.848
- Các khoản phải trả, phải nộp khác <sup>(6)</sup>	10.000.000.000	10.000.000.000
	<b>10.808.067.059</b>	<b>10.937.301.848</b>

(1) Khoản lãi vay phải trả tương ứng với các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty đã được chi tiết tại Thuyết minh số 20.

(2) Khoản tiền hợp tác đầu tư số 01/HĐHT/HOI-GENERALEXIM ngày 01/12/2021 giữa bà Vũ Thị Ngọc và Công ty để hợp tác đầu tư mua cổ phiếu trên các sàn giao dịch chứng khoán HSX, HNX, OTC hoặc góp vốn vào doanh nghiệp khác.

(3) Khoản tiền đặt cọc theo Thỏa thuận số 01/21/AM-TH1 ngày 19/08/2021 và Phụ lục 01 ngày 18/09/2021 giữa Công ty CP Chế biến XNK Thủy sản Anh Minh và Công ty nhằm thực hiện dự án. Ngày 19/08/2022, Công ty CP Chế biến XNK Thủy sản Anh Minh và Công ty đã ký thanh lý thỏa thuận số 01/21/AM-TH1 ngày 19/08/2021 và Phụ lục 01 ngày 18/09/2021. Theo đó trong năm 2022, Công ty đã hoàn trả 25,7 tỷ tiền đặt cọc cho Công ty CP Chế biến XNK Thủy sản Anh Minh.

(4) Khoản tiền đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 18052022/HĐCN-TH1-BHV ngày 18/5/2022 giữa Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương và Công ty liên quan đến chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 26B Lê Quốc Hưng, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

(5) Khoản tiền đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc giữa Công ty CP Thương mại AMP ngày 14/10/2022 với Công ty để mua các tài sản trên đất tại phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

(6) Khoản phải trả ứng trước theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHT/GENERALEXIM-SACOMREAL ngày 26/04/2016 giữa Công ty và Công ty CP Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín về việc hợp tác đầu tư dự án khu căn hộ ở và kết hợp thương mại tại 251/44 đường Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**  
Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**20 . CÁC KHOẢN VAY**

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn bằng VND	187.453.045.414	187.453.045.414	144.540.814.314	331.993.859.728	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội <sup>(*)</sup>	186.572.856.713	186.572.856.713	-	186.572.856.713	-	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	880.188.701	880.188.701	144.540.814.314	145.421.003.015	-	-
Vay ngắn hạn bằng USD	157.330.178.489	157.330.178.489	143.761.257.032	258.766.264.471	42.325.171.050	42.325.171.050
- Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội <sup>(*)</sup>	20.028.757.079	20.028.757.079	-	20.028.757.079	-	-
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội <sup>(1)</sup>	11.293.415.490	11.293.415.490	73.665.098.286	59.517.748.776	25.440.765.000	25.440.765.000
- Công ty Cổ phần đầu tư Hùng An	63.645.037.699	63.645.037.699	-	63.645.037.699	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội <sup>(2)</sup>	20.139.299.760	20.139.299.760	70.096.158.746	73.351.052.456	16.884.406.050	16.884.406.050
- Công ty CP Kinh doanh bất động sản VHC	42.223.668.461	42.223.668.461	-	42.223.668.461	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	52.021.192.240	52.021.192.240	276.000.000	52.021.192.240	276.000.000	276.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hùng An <sup>(3)</sup>	51.745.192.240	51.745.192.240	-	51.745.192.240	-	-
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội <sup>(3)</sup>	276.000.000	276.000.000	276.000.000	276.000.000	276.000.000	276.000.000
	<b>396.804.416.143</b>	<b>396.804.416.143</b>	<b>288.578.071.346</b>	<b>642.781.316.439</b>	<b>42.601.171.050</b>	<b>42.601.171.050</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**  
Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**20 . CÁC KHOẢN VAY**

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hùng An <sup>(3)</sup>	51.745.192.240	51.745.192.240	65.940.432.501	-	117.685.624.741	117.685.624.741
- Công ty Cổ phần Sam Holdings <sup>(4)</sup>	9.616.800.000	9.616.800.000	9.224.500.000	-	18.841.300.000	18.841.300.000
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội <sup>(5)</sup>	771.000.000	771.000.000	-	276.000.000	495.000.000	495.000.000
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản VHC <sup>(6)</sup>	-	-	43.746.489.291	-	43.746.489.291	43.746.489.291
	<b>62.132.992.240</b>	<b>62.132.992.240</b>	<b>118.911.421.792</b>	<b>276.000.000</b>	<b>180.768.414.032</b>	<b>180.768.414.032</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(52.021.192.240)	(52.021.192.240)	(276.000.000)	(52.021.192.240)	(276.000.000)	(276.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>10.111.800.000</b>	<b>10.111.800.000</b>			<b>180.492.414.032</b>	<b>180.492.414.032</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (\*) Khoản vay đối với Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (gọi tắt "VAB") theo Hợp đồng tín dụng số 500-19/14/VAB/HĐHMDN ngày 11/09/2014 có số dư nợ gốc là: 186.572.856.713 đồng và 875.574,08 USD (tương đương 20.028.757.079 đồng). Khoản vay này được đảm bảo bằng lợi thế thương mại đối với quyền sử dụng 435,9 m2 đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuê trên 435,9 m2 đất thuê tại số 7 Triệu Việt Vương, phường Bưởi Thị Xuân (nay là phường Nguyễn Du), quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Công ty đã sử dụng tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ đối với VAB như sau:
- Ngày 23/08/2018, Công ty và VAB ký hai (02) thỏa thuận nhận tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ của Công ty đối hợp đồng tín dụng nêu trên. Bao gồm: toàn bộ tài sản đã thế chấp tại hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất và lợi thế thương mại số 500-032/14/VAB/TCTSTTL ngày 11/09/2014; cổ phiếu và các quyền lợi phát sinh từ 6.000.000 cổ phần tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (mã chứng khoán: EIB).
  - Ngày 19/10/2021, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT thống nhất từ chối chuộc và chuyển quyền sở hữu 6.000.000 cổ phiếu của EIB để trả nợ cho VAB.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo):**

- Ngày 28/10/2021, VAB và Công ty (bên bảo đảm) đã ký các văn bản:  
+ Thỏa thuận nhận tài sản bảo đảm thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm. Trong đó quy định, Công ty giao tài sản bảo đảm là cổ phiếu và các quyền lợi phát sinh từ 5.353.631 cổ phiếu EIB sang cho VAB.

**20 . CÁC KHOẢN VAY**

- + Biên bản thanh lý thỏa thuận nhận tài sản đảm bảo để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm. Trong đó, quy định việc thống nhất chấm dứt và thanh lý Thỏa thuận cần trừ nợ ngày 23/08/2018 về Lợi thế thương mại đối với quyền sử dụng 435,9 m2 đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp bên thế chấp trên 435,9 m2 đất thuê tại số 7 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân (nay là phường Nguyễn Du), quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
  - Ngày 14/03/2022, Công ty và VAB đã có Biên bản làm việc thống nhất thực hiện các thủ tục bán số cổ phiếu EIB được phong tỏa để cấn trừ thu hồi nợ. Sau khi, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng và chuyển toàn bộ số tiền thu được cho VAB, khoản chênh lệch giữa giá gốc của 11.353.631 cổ phiếu EIB và dư nợ gốc vay của VAB được Công ty ghi nhận vào Doanh thu hoạt động tài chính (Chi tiết tại Thuyết minh số 25).
  - Ngày 15/03/2022, VAB đã gửi văn bản số 668/CV-TGD/22 đồng ý cho Công ty thực hiện chuyển nhượng số lượng cổ phiếu EIB trên và chuyển toàn bộ tiền bán được sang VAB. Trong kỳ, Công ty đã bán toàn bộ 11.353.631 cổ phiếu EIB và chuyển toàn bộ số tiền bán được là 385.860.628.583 đồng tới VAB.
  - Theo xác nhận số dư tại ngày 31/12/2022 của Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội, số dư nợ gốc và nợ lãi quy đổi của Công ty với Ngân hàng là 0 đồng.
- (1) **Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội** theo Hợp đồng tín dụng số 1001-LAV-22006195 ngày 15/07/2022, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 28.000.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - Thời hạn duy trì hạn mức: từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 14/07/2023;
  - Thời hạn cho vay: không quá 06 tháng và được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
  - Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 1.073.450 USD (tương đương 25.440.765.000 đồng);
  - Hình thức bảo đảm tiền vay: hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo giữa Công ty và Ngân hàng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ
- (2) **Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hà Nội** theo Hợp đồng tín dụng số 030622-849519-01-SME ngày 10/06/2022, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xuất khẩu hàng nông sản, lâm sản;
  - Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng tính từ ngày 10/06/2022;
  - Thời hạn cho vay: không quá 06 tháng và được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
  - Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 708.090 USD (tương đương 16.884.406.050 đồng);
  - Hình thức bảo đảm tiền vay: hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo giữa Công ty và Ngân hàng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

### Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (3) Số dư nợ vay tại thời điểm ngày 31/12/2022 là các khoản nợ vay được Công ty Cổ phần Đầu tư Hùng An mua lại theo các hợp đồng mua bán nợ với các ngân hàng, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Lãi suất cho vay: không tính lãi từ thời điểm chuyển giao khoản nợ vay của các ngân hàng;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 117.685.624.741,00 VND (bao gồm: 2.782.296,73 USD và 51.745.192.240 VND), nợ lãi là 74.543.182.621 VND (bao gồm: 2.531.465,41 USD và 16.635.911.367 VND). Theo Biên bản thỏa thuận ngày 31/03/2022, từ năm 2023 lịch trình trả nợ tiếp theo sẽ được hai bên tiếp tục đàm phán trong thời gian tới.
- (4) Vay dài hạn của Công ty Cổ phần Sam Holdings theo Hợp đồng vay vốn số 01/2021/SAM-TH1/HĐVV ngày 13/10/2021, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức vay: 30.000.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: đầu tư hợp tác với Công ty Cổ phần SAM Nông nghiệp Công nghệ cao (SAG) thực hiện phát triển dự án nông nghiệp tại Đắk Nông;
  - + Thời hạn cho vay: 24 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: 11%/năm (chưa bao gồm thuế GTGT);
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 18.841.300.000 đồng.
  - + Hình thức bảo đảm tiền vay: Không có tài sản đảm bảo.
- (5) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 1001-LAV-210066735 ngày 23/08/2021, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 970.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: đầu tư mua mới 01 xe ô tô con theo hợp đồng mua bán ký với Công ty TNHH TOYOTA Long Biên;
  - + Thời hạn cho vay: 36 tháng và được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
  - + Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 495.000.000 đồng. Nợ dài hạn đến hạn trả là 276.000.000 đồng.
  - + Hình thức bảo đảm tiền vay: hợp đồng tín dụng được đảm bảo bởi hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải giữa Công ty và Ngân hàng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.
- (6) Số dư nợ vay tại thời điểm ngày 31/12/2022 là các khoản nợ vay được Công ty CP Kinh doanh Bất động sản VHC mua lại theo các hợp đồng mua bán nợ với các ngân hàng, với các điều khoản sau:
- + Lãi suất cho vay: không tính lãi từ thời điểm chuyển giao khoản nợ vay của các ngân hàng;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 43.746.489.291 đồng (tương đương 1.845.843,43 USD), nợ lãi là 19.416.048.646 đồng (bao gồm: 803.866,75 USD và 1.027.616.740 VND). Theo Biên bản thỏa thuận ngày 31/03/2022, từ năm 2023 lịch trình trả nợ tiếp theo sẽ được hai bên tiếp tục đàm phán trong thời gian tới.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**  
Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu kỳ trước</b>	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(380.998.838.064)	(197.256.720.501)
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	252.340.903.775	252.340.903.775
Phân phối lợi nhuận cho Kowa từ lợi nhuận 2020 (*)	-	-	-	-	-	(1.965.932.316)	(1.965.932.316)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(130.623.866.605)	53.118.250.958
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(130.623.866.605)	53.118.250.958
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	(105.066.058.610)	(105.066.058.610)
Phân phối lợi nhuận cho Kowa từ lợi nhuận 2021 (*)	-	-	-	-	-	(153.022.442)	(153.022.442)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(235.842.947.657)	(52.100.830.094)

(\*) Khoản lợi nhuận phải trả Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa) theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/07/2017 (Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 2.13).

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ	Tỷ lệ (%)
	VND	(%)	VND	(%)
Ông Đinh Đức Tùng	28.065.210.000	20,73	28.065.210.000	20,73
Ông Nguyễn Văn Nguyên	26.961.230.000	19,91	26.961.230.000	19,91
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	21.500.000.000	15,88	21.500.000.000	15,88
Các cổ đông khác	58.865.820.000	43,48	58.865.820.000	43,48
Cổ phiếu quỹ	410.000	0,00	410.000	0,00
	<b>135.392.670.000</b>	<b>100,00</b>	<b>135.392.670.000</b>	<b>100,00</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.392.670.000	135.392.670.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>135.392.670.000</i>	<i>135.392.670.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>135.392.670.000</i>	<i>135.392.670.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	<i>1.581.850.355</i>	<i>1.581.850.355</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<i>1.581.850.355</i>	<i>1.581.850.355</i>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.539.267	13.539.267
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	13.539.267	13.539.267
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.539.267</i>	<i>13.539.267</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại ( <i>cổ phiếu quỹ</i> )	41	41
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>41</i>	<i>41</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.539.226	13.539.226
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.539.226</i>	<i>13.539.226</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	23.940.421.305	23.940.421.305
	<b>23.940.421.305</b>	<b>23.940.421.305</b>

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại:

- Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, thành phố Hải Phòng để sử dụng với mục đích làm kho bãi chứa hàng, với thời hạn thuê đến ngày 20/09/2056, diện tích khu đất thuê là 20.462,4 m<sup>2</sup>;

- Số 7 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân (nay là phường Nguyễn Du), quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích làm văn phòng và kinh doanh khách sạn, với thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 06/12/2005, diện tích đất thuê là 435,9 m<sup>2</sup>;

- Số 251/4 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm kho hàng hóa với thời hạn thuê đất ngắn hạn hàng năm kể từ ngày 05/05/2006 cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch, hợp đồng này đương nhiên được gia hạn trong từng năm kế tiếp nếu Nhà nước không có quyết định điều chỉnh, thu hồi đất, diện tích đất thuê là 3.030,3 m<sup>2</sup>;

- Xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, Hà Nội để sử dụng với mục đích xây dựng Xí nghiệp chế biến quế và nông lâm sản xuất khẩu với diện tích đất thuê là 5.065 m<sup>2</sup>.

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty hiện đang được cơ quan nhà nước giao quản lý và sử dụng văn phòng tại địa chỉ số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Đến thời điểm hiện tại, Công ty không phải chi trả các chi phí liên quan đến việc quản lý và sử dụng văn phòng tại địa chỉ trên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2022	01/01/2022
- Đồng đô la Mỹ (USD)	16.196,56	6.112,41
- Đồng Euro (EUR)	0,99	0,99

**c) Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	4.388.995.512	4.388.995.512

**23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	95.320.766.572	110.572.660.725
Doanh thu bán thành phẩm	72.363.466.815	34.498.973.055
Doanh thu hàng gia công	66.120.827.651	43.653.742.448
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.934.760.157	19.757.221.894
	<b>250.739.821.195</b>	<b>208.482.598.122</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	<b>129.783.075</b>	<b>30.000.000</b>

**24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	93.170.854.069	108.869.479.908
Giá vốn của thành phẩm đã bán	67.687.786.541	32.898.117.432
Giá vốn của hàng gia công	61.684.310.938	41.378.259.558
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.072.639.989	5.085.699.223
	<b>225.615.591.537</b>	<b>188.231.556.121</b>

**25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	4.226.429.169	2.595.072.709
Lãi bán các khoản đầu tư	4.999.861.889	36.926.483.251
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.926.400.000	23.170.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.394.895.247	5.508.253.978
Doanh thu hoạt động tài chính khác (*)	62.977.673.637	-
	<b>90.525.259.942</b>	<b>68.199.809.938</b>
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan	<b>16.667.976.355</b>	<b>23.042.171.901</b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)

(\*) Doanh thu hoạt động tài chính khác trong đó bao gồm khoản chênh lệch giữa giá gốc của 11.353.631 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (mã chứng khoán EIB) và dư nợ gốc vay của Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội, sau khi Công ty thực hiện các thủ tục bán số cổ phiếu EIB được phong tỏa để cản trừ thu hồi nợ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.215.412.590	(186.229.054.755)
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	41.124.402.832	658.787.745
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5.384.613.729	238.273.537
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	3.149.200.512	109.862.121
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	2.008.250.046	445.764.919
Chi phí tài chính khác	-	326.997
	<b>57.881.879.709</b>	<b>(184.776.039.436)</b>

**27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.483.315	10.698.485
Chi phí nhân công	3.571.998.736	2.382.276.959
Chi phí khấu hao tài sản cố định	250.306.512	260.033.140
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.967.343.638	8.816.434.150
Chi phí khác bằng tiền	315.399.118	209.523.309
	<b>15.142.531.319</b>	<b>11.678.966.043</b>

**28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	559.309.434	22.334.305
Chi phí nhân công	6.359.352.866	8.720.570.901
Chi phí khấu hao tài sản cố định	194.976.971	81.820.779
Thuế, phí, lệ phí	2.016.928.540	596.115.134
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	151.040.187.744	(3.837.897.578)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.502.570.334	1.861.631.755
Chi phí khác bằng tiền	796.900.773	889.470.274
	<b>162.470.226.662</b>	<b>8.334.045.570</b>

**29 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	120.181.818
Tiền phạt thu được	12.000.000	-
Giá trị tài sản đem góp vốn vào công ty con (1)	15.208.000.000	-
Thu nhập khác	68.151.008	642.538.921
	<b>15.288.151.008</b>	<b>762.720.739</b>

(1) Giá trị tài sản đem góp vốn vào Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh dịch vụ Rainbow (Công ty con) được định giá bởi Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định giá BTC theo Chứng thư Thẩm định giá số 2115073/CT-BTC ngày 22 tháng 11 năm 2021 (chi tiết tại thuyết minh số 4 và thuyết minh số 13).

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**30 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt	259.070.356	1.570.481
Chi phí khác	249.991.172	1.634.126.245
	<b>509.061.528</b>	<b>1.635.696.726</b>

**31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(105.066.058.610)	252.340.903.775
Các khoản điều chỉnh tăng	152.805.084.637	1.651.643.084
- Chi phí không hợp lệ	152.731.538.407	1.615.786.726
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	73.546.230	35.856.358
Các khoản điều chỉnh giảm	(47.739.026.027)	(253.992.546.859)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(14.926.400.000)	(23.170.000.000)
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ trước	(35.856.358)	(11.495.979)
- Chuyển lỗ các năm 2016 đến năm 2018	(32.776.769.669)	(230.811.050.880)
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-

**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	63.674.932.825	41.050.210.194
Chi phí nhân công	51.266.023.011	33.062.302.080
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.464.426.615	3.807.011.634
Dự phòng phải thu khó đòi	151.040.187.744	(3.837.897.578)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.294.156.017	23.128.666.437
Chi phí khác bằng tiền	7.213.264.480	4.650.276.175
	<b>310.952.990.692</b>	<b>101.860.568.942</b>

**33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>				
Đầu tư ngắn hạn	14.948.389.000	-	-	14.948.389.000
	<u>14.948.389.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>14.948.389.000</u>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Đầu tư ngắn hạn	65.961.062.795	-	-	65.961.062.795
	<u>65.961.062.795</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>65.961.062.795</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>				
Tiền	5.206.722.519	-	-	5.206.722.519
Phải thu khách hàng, phải thu khác	88.333.102.300	100.000.000	-	88.433.102.300
Các khoản cho vay	-	19.734.299.996	-	19.734.299.996
Chứng chỉ tiền gửi	22.000.000.000	-	-	22.000.000.000
	<u>115.539.824.819</u>	<u>19.834.299.996</u>	<u>-</u>	<u>135.374.124.815</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Tiền	2.951.567.830	-	-	2.951.567.830
Phải thu khách hàng, phải thu khác	355.630.891.040	100.000.000	-	355.730.891.040
Các khoản cho vay	-	9.616.799.996	-	9.616.799.996
Chứng chỉ tiền gửi	21.731.912.000	-	-	21.731.912.000
	<b>380.314.370.870</b>	<b>9.716.799.996</b>	<b>-</b>	<b>390.031.170.866</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>				
Vay và nợ	42.601.171.050	180.492.414.032	-	223.093.585.082
Phải trả người bán, phải trả khác	259.555.509.568	10.808.067.059	-	270.363.576.627
	<b>302.156.680.618</b>	<b>191.300.481.091</b>	<b>-</b>	<b>493.457.161.709</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Vay và nợ	396.804.416.143	10.111.800.000	-	406.916.216.143
Phải trả người bán, phải trả khác	246.665.864.537	10.937.301.848	-	257.603.166.385
	<b>643.470.280.680</b>	<b>21.049.101.848</b>	<b>-</b>	<b>664.519.382.528</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**34 . THÔNG TIN KHÁC**

Theo Nghị Quyết số 16/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021 của Hội đồng Quản trị, trong kỳ Công ty đã góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh dịch vụ Rainbow bằng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuê trả tiền hàng năm tại số 7 phố Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân (nay là phường Nguyễn Du), quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Căn cứ theo Chứng thư Thẩm định giá số 2115073/CT-BTC ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định giá BTC, giá trị tài sản thẩm định giá là 15.208.000.000 đồng. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu tài sản cũng như chuyển giao Hợp đồng thuê đất tại địa chỉ nêu trên.

**35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

**36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh dịch vụ Rainbow	Công ty con
Và các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát - Chi tiết tại Báo cáo Tổng Giám đốc	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
<b>Doanh thu dịch vụ</b>	<b>129.783.075</b>	<b>30.000.000</b>
Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	120.000.000	30.000.000
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh dịch vụ Rainbow	9.783.075	-
<b>Cho vay</b>	<b>10.117.500.000</b>	<b>9.616.799.996</b>
Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	10.117.500.000	9.616.799.996
<b>Cổ tức nhận được</b>	<b>14.926.400.000</b>	<b>22.930.000.000</b>
Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	14.926.400.000	22.930.000.000
<b>Lãi cho vay</b>	<b>1.741.576.355</b>	<b>112.171.901</b>
Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	1.741.576.355	112.171.901

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Thu nhập của người quản lý chủ chốt</b>			
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	Chủ tịch HĐQT Bổ nhiệm ngày 21/03/2022	68.391.304	65.000.000
Ông Phương Thừa Vũ	Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT ngày 21/03/2022	21.652.174	42.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Ủy viên kiêm Tổng Giám đốc	986.460.000	943.170.000
Bà Vũ Thị Phương	Ủy viên	60.000.000	35.000.000
Ông Nhâm Việt Bắc	Ủy viên Miễn nhiệm ngày 28/04/2021	-	25.000.000
Ông Lê Tuấn Điệp	Ủy viên	60.000.000	60.000.000
Bà Phạm Thị Chiến	Trưởng BKS	48.000.000	48.000.000
Bà Phạm Thị Thảo	Thành viên BKS	36.000.000	36.000.000
Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên BKS	36.000.000	21.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

**37 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thanh Thúy  
Người lập



Mai Thu Hà  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hoài  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023



# HÃNG KIỂM TOÁN AASC

## **AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH**

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973

E: [aasc@aasc.com.vn](mailto:aasc@aasc.com.vn)

A: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

## **AASC TẠI TP HỒ CHÍ MINH**

T: (84) 28 3945 0505 - (84) 28 3945 0606 | F: (84) 28 3945 1106

E: [aaschcm@aasc.com.vn](mailto:aaschcm@aasc.com.vn)

A: Tầng 3, Tòa nhà Galaxy 9, số 9 Nguyễn Khoái, Phường 1, Quận 4, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

## **AASC TẠI QUẢNG NINH**

T: (84) 203 3627 571 | F: (84) 203 3627 572

E: [aascqn@aasc.com.vn](mailto:aascqn@aasc.com.vn)

A: Số 8 Chu Văn An, Hạ Long, Quảng Ninh, Việt Nam